

BÁC BỎ LUẬN ĐIỀU PHỦ NHẬN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS ĐỖ THANH HẢI

Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Gần đây, các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội chính trị ra sức phủ nhận công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng tuyên truyền rằng, chỉ có kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa mới đảm bảo công bằng xã hội, còn trong chủ nghĩa xã hội chỉ có sự “bình quân, cào bằng” và “bất công xã hội”. Từ đó, họ ra sức phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cổ súy cho kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa; thúc đẩy đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phủ nhận vai trò, sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là quan điểm xuyên tạc sai trái cần đấu tranh bác bỏ.

1. Nhận diện thực chất của cái gọi là công bằng xã hội trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, công bằng xã hội xét đến cùng lệ thuộc vào quan hệ sở hữu, hay nói cách khác, công bằng trong quan hệ sở hữu là nền tảng của công bằng xã hội. Các nhà kinh điển mácxít đã bóc trần bản chất của cái gọi là công bằng xã hội trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, “đó là một loại công bằng hết sức đặc biệt”¹, công bằng thực sự chỉ dành cho số ít người nắm trong tay quyền chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Xét về hình thức, quan hệ giữa nhà tư bản và người lao động được thực hiện trên cơ sở “trao đổi

ngang giá”; công nhân bỏ ra sức lao động và nhà tư bản bỏ ra tiền công theo thỏa thuận. Nghe qua tưởng như đó là nguyên tắc của sự công bằng. Tuy nhiên, do người lao động không có tư liệu sản xuất, chỉ có duy nhất sức lao động để có thể đem ra trao đổi, họ luôn bị nhà tư bản chèn ép, bị “buộc phải nhận việc làm với những địa điểm, thời gian và điều kiện nào mà anh ta có thể có được”² và “phải làm nô lệ cho những kẻ khác nắm trong tay những điều kiện vật chất của lao động”³. Hơn nữa, cạnh tranh khốc liệt trong kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã đẩy người lao động đứng trước nguy cơ thất nghiệp, bị mất việc làm; từ đó, họ không được tự do lựa chọn trong quan hệ trao đổi, buộc phải bán rẻ sức lao động cho nhà tư bản.

Do vậy, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, công bằng xã hội là điều ảo tưởng và thực chất của bất công xã hội được che đậy hết sức tinh vi. Tình hình đó đã làm cho sự phân cực giàu nghèo ngày càng trở nên trầm trọng, khoảng cách giữa sự nghèo khổ của người lao động với sự giàu có của nhà tư bản ngày càng tăng lên, đã làm cho “Sự nghèo khổ và cảnh sống vất vưởng lại càng phát triển ở phía người lao động, còn của cải và văn hóa lại ngày càng phát triển ở phía kẻ không lao động”⁴. Trong xã hội đó, như Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, cái lỗi trả tiền ngay không tình nghĩa ngày càng trở thành lỗi liên hệ duy nhất. Số tội phạm mỗi năm một tăng, thương nghiệp ngày càng trở thành sự lừa đảo, hối lộ thay cho áp bức bằng bạo lực; tiền thay lưỡi gươm để làm đòn bẩy chủ yếu của quyền

lực xã hội; mại dâm tăng lên đến những quy mô chưa từng có. Tóm lại, chế độ tư bản, như nhận xét của Ph. Ăngghen, “chỉ là một bức biếm họa làm cho người ta thất vọng chua cay”⁵.

Công bằng xã hội được xem xét với tính cách là một giá trị xã hội, luôn bị chi phối bởi trực quan hệ lợi ích - quan hệ giữa các giai cấp, tập đoàn người trong phân phối nguồn lực và thụ hưởng các thành quả phát triển xã hội; trong đó cốt lõi là thụ hưởng các thành quả chính trị và kinh tế. Xã hội tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nghĩa là nó chứa đựng và xác lập địa vị thống trị của quan hệ bất bình đẳng về sở hữu tư liệu sản xuất, đương nhiên dẫn đến bất bình đẳng trong phân phối các nguồn lực “đầu vào” và thành quả “đầu ra” của quá trình phát triển. Nó không thể tiến tới sự bảo đảm cho công bằng xã hội đúng nghĩa. Công bằng xã hội chỉ được thực hiện trong những giới hạn mà không đe dọa đến quyền bất khả xâm phạm của chế độ sở hữu tư nhân.

Công bằng xã hội không thể trở thành mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội tư bản. Ngược lại, cùng với sự lớn mạnh của chủ nghĩa tư bản là sự gia tăng bất công xã hội. Về kinh tế là bất công trong sở hữu, tổ chức quản lý và quan hệ phân phối; về chính trị chính là bất công trong địa vị các giai cấp, là quyền lực tuyệt đối trong tay giai cấp tư sản ngày càng được củng cố. Từ sự bất công về kinh tế và chính trị dẫn tới hệ quả là, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản càng phải chịu sự bất bình đẳng trong thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, y tế, giáo dục và các chính sách phúc lợi, an sinh xã hội khác.

Hơn nữa, sự hạn hẹp của chế độ tư hữu với việc tuyệt đối hóa kinh tế thị trường tự do, chủ nghĩa tư bản đã phải trả giá bằng các cuộc khủng hoảng theo chu kỳ. Để khắc phục các cuộc khủng hoảng kinh tế, chủ nghĩa tư bản không thể không cần đến “bàn tay hữu hình” của nhà nước. Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng như tiến trình giải quyết các cuộc khủng hoảng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã cho thấy, phát triển kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa luôn gắn liền với quản lý, điều hành, thậm chí sự can thiệp thô bạo của nhà nước tư sản vào các quá trình kinh tế, để đảm bảo cho thực hiện các mục tiêu tối thượng là thỏa mãn lợi ích nhà tư bản. Cho nên,

kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa tự thân đã hàm chứa tính chất định hướng phát triển: Theo định hướng chính trị, lợi ích của giai cấp tư sản.

2. Chủ nghĩa tư bản hiện nay không hề thay đổi bản chất, vẫn là một chế độ xã hội đầy rẫy bất công

Trong thế kỷ XXI, chủ nghĩa tư bản đã có những điều chỉnh, thích nghi thông qua thực hiện một số thay đổi trong chế độ sở hữu, tổ chức quản lý sản xuất và phân phối thông qua các quỹ phúc lợi xã hội. Từ đó đã xuất hiện quá trình hữu sản hóa giai cấp lao động làm thuê, xuất hiện một số hình thức tổ chức quản lý và phân phối mới. Sự điều chỉnh, thích nghi đó đã làm xuất hiện những vấn đề mới về phương diện lý luận cũng như thực tiễn mà chủ nghĩa Mác - Lênin, do những điều kiện lịch sử, chưa thể đề cập tới một cách đầy đủ và toàn diện. Từ đó đã làm cho một số người lầm tưởng rằng chủ nghĩa tư bản không còn bóc lột, đã thay đổi bản chất, rằng chủ nghĩa tư bản sẽ tự động phát triển lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản không thể tự mình vượt ra ngoài giới hạn của chính nó; những điều chỉnh, thích nghi đó thực chất chỉ là “sự thủ tiêu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở ngay trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”⁶. Giới hạn của sự biến đổi thích nghi của chủ nghĩa tư bản không thể vượt qua chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Chẳng hạn như trong *Tư bản*, C.Mác đã chỉ ra rằng, thực chất chế độ cổ phần trong chủ nghĩa tư bản cũng “chưa thoát khỏi được những giới hạn của chế độ tư bản chủ nghĩa, bởi vậy, đáng lẽ sự chuyên hóa này phải khắc phục được mâu thuẫn giữa tính chất của cải với tư cách là của cải xã hội và tính chất của cải với tư cách là của cải tư nhân, thì nó lại chỉ làm cho mâu thuẫn đó phát triển thêm dưới một hình thái mới”⁷. Như chúng ta đã biết, trước sức ép từ đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã buộc nhà tư bản phải chuyên hoá tư bản tư nhân thành tư bản tập thể, hình thành những công ty cổ phần. Đây là cách thức nhằm huy động vốn, tạo nên sự tích tụ, tập trung tư bản, giúp nhà tư bản giành lợi thế trong cạnh tranh. Nó cho phép một số người lao động có tiền nhàn rỗi có thể đầu tư vào sản xuất thông qua cổ phần, cổ phiếu và thu lợi tức, cổ tức. Tuy nhiên, điều đó không thể thủ tiêu lợi nhuận nhà

tư bản thu được qua bóc lột giá trị thặng dư. Bởi trên thực tế, giai cấp công nhân, những người lao động chỉ chiếm giữ một tỉ lệ phần trăm rất nhỏ lượng cổ phần, cổ phiếu. Do vậy, những điều chỉnh và thích nghi không làm thay đổi bản chất áp bức, bóc lột, bất công trong chủ nghĩa tư bản.

Theo Quỹ phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), “cùng với quá trình toàn cầu hóa, tỷ suất bóc lột giá trị thặng dư trên thế giới hiện nay đã đạt mức 500%⁸, đã vượt xa so với thời đại của C.Mác. Theo đó, sự phân cực giàu nghèo giữa các quốc gia tăng lên nhanh chóng; “quá trình toàn cầu hóa diễn ra, trên thế giới chỉ có 10 nước giàu lên, 13 nước nghèo đi, trong đó có 60 nước GDP bình quân đầu người kém hơn trước”⁹. Cùng với đó, quá trình xuất khẩu tư bản, đầu tư nước ngoài, chiếm đoạt giá trị thặng dư của chủ nghĩa tư bản đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, lan ra phạm vi toàn cầu, làm cho sự đối lập giữa những người giàu và những người nghèo lại trở thành sâu sắc hơn, nó diễn ra không chỉ trong nội bộ các nước tư bản, mà còn ở phạm vi toàn thế giới; gây ra sự phân hoá về chính trị, xã hội, là căn nguyên của mọi cuộc chiến tranh, xung đột, bất ổn chính trị, xã hội; suy thoái về môi trường và những vấn đề an ninh phi truyền thống đang trở nên cấp bách đối với toàn nhân loại.

Bản chất của các nền chính trị tư bản chủ nghĩa theo công thức “dân chủ tự do” phương Tây, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra, là nền dân chủ bảo vệ địa vị, lợi ích cho thiểu số giai cấp tư sản. Ở đó, “một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội... Sự rêu rao bình đẳng về quyền, nhưng không kèm theo sự bình đẳng về điều kiện để thực hiện các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất”¹⁰. Xét đến cùng, những bất công trong xã hội tư bản ngày càng gia tăng chính là hệ quả xấu từ sự phát triển của phương thức sản xuất và chế độ chính trị tư bản chủ nghĩa. Từ bản chất và những mặt trái của chủ nghĩa tư bản nói chung, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa nói riêng, đương nhiên đó không phải và không thể là

chế độ xã hội mà Đảng ta chọn lựa. Do đó, việc tìm kiếm một mô hình kinh tế đặc thù, phù hợp với thực tiễn Việt Nam - mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - nhằm hiện thực hóa mục tiêu công bằng xã hội, là vấn đề lớn Đảng ta đặt ra đã, đang và sẽ tiếp tục giải quyết ngày càng sáng tỏ.

3. Thực chất công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trung thành, bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã có sự phát triển lý luận về mô hình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để hướng tới mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, trong đó có đảm bảo công bằng xã hội. Đảng ta khẳng định, công bằng xã hội không chỉ biểu hiện như là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà còn là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thực hiện công bằng xã hội không chỉ dừng lại ở mục tiêu hướng đến mà còn trở thành động lực, tức là thành tố nội tại của phát triển kinh tế, để mỗi bước phát triển kinh tế là một bước thực hiện công bằng xã hội, đó là nét đặc sắc, ưu việt của chế độ kinh tế mà nước ta đang xây dựng. Đại hội XIII, Đảng ta chủ trương nhất quán gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Theo đó, công bằng xã hội không đứng “bên lề” phát triển kinh tế mà luôn đồng hành, song hành, gắn kết chặt chẽ trong từng bước, từng chính sách cũng như trong toàn bộ tiến trình phát triển kinh tế, trở thành mục tiêu và động lực của phát triển, tăng trưởng kinh tế. Đó là điểm nhất quán, là tính ưu trội, thể hiện bản chất nhân văn, tiến bộ, cách mạng của mô hình phát triển đất nước. Về điều này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển”¹¹; đó là một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Thực tiễn cũng cho thấy, một số nước vì quá tập trung cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ mục tiêu phát triển xã hội, không chú ý đúng mức, không kết hợp đồng thời, hài hòa, biện chứng giữa

kinh tế và xã hội từ đó dẫn đến sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, xuất hiện những mâu thuẫn, xung đột, khủng hoảng xã hội. Ngược lại, có nước lại đề cao, tuyệt đối hóa công bằng xã hội; đã không tính đến khả năng, điều kiện hiện có và sức “chịu đựng” của nền kinh tế; từ đó đã bất chấp các quy luật kinh tế, nôn nóng trong thực hiện các mục tiêu công bằng xã hội, đẩy kinh tế - xã hội rơi vào khủng hoảng. Điều đó cho thấy, gắn kết hài hòa giữa mục tiêu thực hiện công bằng xã hội với phát triển kinh tế là rất cần thiết để không những đạt được mà còn để công bằng xã hội còn tham gia vào thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Sở dĩ phải định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường, bởi vì, kinh tế thị trường chỉ góp phần thực hiện công bằng xã hội trong giới hạn của các quy luật thị trường, thực hiện phân chia lợi nhuận dựa trên lao động, hiệu quả kinh tế và mức góp vốn, theo đó, người đóng góp nhiều thì hưởng nhiều, đóng góp ít thì hưởng ít. Tự thân kinh tế thị trường không thể giải quyết triệt để những vấn đề bất công bằng xã hội. Để khắc phục những “thất bại” của thị trường trong việc thực hiện các mục tiêu công bằng xã hội, “bàn tay vô hình” của kinh tế thị trường tất yếu phải gắn với “bàn tay hữu hình” của nhà nước. Hay nói cách khác, ở Việt Nam, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu để có thể phát huy mặt ưu điểm, khắc phục được mặt hạn chế của kinh tế thị trường trong thực hiện mục tiêu công bằng xã hội.

Để thực hiện tốt công bằng xã hội, Đảng ta chỉ rõ *điều kiện căn bản* là phải bảo đảm công bằng trong phân phối. Cần “thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”¹². Như vậy là vừa thực hiện phân phối theo quy luật kinh tế thị trường vừa thực hiện phân phối theo phúc lợi xã hội và an sinh xã hội nhằm đảm bảo công bằng xã hội. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn (kinh tế thị trường) chính là nhằm mục đích tôn trọng quy luật kinh tế khách quan, giải phóng sức sản xuất, khơi mở, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo và năng

lực chủ quan của mỗi con người. Đồng thời và cùng với đó, thực hiện phân phối thông qua các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (định hướng xã hội chủ nghĩa) nhằm bảo đảm mức bình đẳng có thể cho những nhóm người dễ bị tổn thương và yếu thế trong xã hội.

Cách thức phân phối theo các nguồn lực khác thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội khắc phục được các điểm yếu cốt tử của kinh tế thị trường, nấn kinh tế thị trường phục vụ cho các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là phương thức để vừa phát triển kinh tế mạnh mẽ, vừa “giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân”¹³ bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phòng ngừa xu hướng tự phát chệch quỹ đạo phát triển kinh tế. Có như vậy mới bảo đảm được tính thực tiễn và bền vững của chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế và công bằng xã hội mới được thực hiện đúng nghĩa.

Theo đó, không thể có công bằng xã hội mà không dựa trên cơ sở kinh tế phát triển; ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững trong điều kiện xã hội bất bình đẳng. Đương nhiên, công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay phải phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế. Chính sách xã hội vượt trước hoặc đi sau tăng trưởng, phát triển kinh tế đều không phù hợp, sẽ dẫn đến lực cản đối với quá trình phát triển. Trong đó, các chính sách xã hội phù hợp, không vượt quá khả năng, điều kiện cụ thể của nền kinh tế giúp phát triển kinh tế ổn định, bền vững; tránh tăng trưởng mạo hiểm, tránh rơi vào đổ vỡ như một số quốc gia trên thế giới, đặc biệt là vỡ nợ công do các nguyên nhân khủng hoảng kinh tế, tài chính và thực thi các chính sách xã hội bất hợp lý - hệ quả “xấu” của các phiên bản phát triển kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, của việc theo đuổi mục tiêu dân chủ tư sản.

Mặt khác, công bằng xã hội đối lập với sự ngang bằng, dàn đều, bình quân chủ nghĩa. Nghĩa là, công bằng xã hội ở nước ta hướng đến mục tiêu kích thích, thúc đẩy động cơ lợi ích chính đáng, bảo đảm

sự hài hòa lợi ích, quyền lợi gắn liền với nghĩa vụ. Công bằng xã hội được thực hiện dựa trên chế độ phân phối công bằng, thụ hưởng tương xứng với mức đóng góp, cống hiến của từng cá nhân chứ không phải là thụ hưởng ngang bằng mà không dựa trên sự cống hiến của mỗi cá nhân. Nguyên tắc căn bản trên của công bằng xã hội sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua tác động vào động cơ lợi ích thôi thúc con người hành động. Nó xa lạ với chủ nghĩa bình quân triệt tiêu động lực thúc đẩy hoạt động của con người. Đó chính là bản chất và sức mạnh ưu việt của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện và phát huy hiệu quả trong đảm bảo công bằng xã hội.

Như vậy, tính chất định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam không phải là sự áp đặt chủ quan, duy ý chí, là gán ghép, là không phù hợp; mà đó là một tất yếu kinh tế và chính trị để đảm bảo cho kinh tế thị trường phục vụ cho mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

4. Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong đảm bảo công bằng xã hội

Hiện nay, Việt Nam đang là điển hình về giảm nghèo đa chiều bền vững; đã đầu tư hiệu quả cho phát triển y tế, giáo dục, văn hoá, việc làm, xây dựng môi trường sinh thái, cải thiện an sinh xã hội, bảo đảm phúc lợi xã hội, không những làm cho kinh tế phát triển mà còn bảo đảm thực hiện tốt công bằng xã hội. Từ đó, đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Đảng ta tự hào khẳng định, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Theo Báo cáo phát triển con người toàn cầu năm 2020 của UNDP thì Việt Nam “nằm trong số các nước có tốc độ tăng HDI cao nhất trên thế giới”¹⁴; Liên Hợp Quốc cũng đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ... Những thành tựu đạt được đã khẳng định

bản chất tốt đẹp, ưu việt của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

Bên cạnh những thành quả to lớn, thành tựu quan trọng như trên, đất nước ta còn có những hạn chế, yếu kém do mặt trái của kinh tế thị trường; “bồn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hoá, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường”¹⁵. Đặc biệt, các vấn đề phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội đang đặt ra những thách thức không nhỏ, là những lực cản của quá trình phát triển.

Hiện các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đang chịu sự tác động mạnh mẽ, đa chiều của quá trình toàn cầu hóa, của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ những thách thức an ninh phi truyền thống... Thực tiễn các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính, thiên tai, dịch bệnh những năm qua là “phép thử” đối với thực hiện công bằng xã hội của tất cả các quốc gia, dân tộc. Nó đã làm phơi bày bản chất đích thực của các thể chế chính trị dựa trên chế độ tư hữu; đã làm bộc lộ sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa. Đó là sự “phát triển bất chấp đạo lý khi “vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người”; “gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội” dựa trên sự cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm...”¹⁶. Từ tình hình đó đặt ra cho nước ta những thách thức lớn, đồng thời cũng là cơ hội để tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với thực hiện mục tiêu công bằng xã hội.

Để đảm bảo tốt công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Đảng ta chỉ rõ cần tiếp tục nâng cao nhận thức và thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIII về phát triển kinh tế gắn với thực hiện công bằng xã hội thành các chính sách, pháp luật; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Tập trung hoàn thiện quan hệ phân phối, khuyến khích làm giàu chính đáng, thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội đúng đắn, tạo động lực mạnh mẽ phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của con người. Đảm bảo tính thực tiễn và tính ổn định, tính bền vững, phù hợp của chính sách xã hội, tạo địa bàn và nguồn lực thuận lợi cho kinh tế phát triển. Cùng với đó, Đảng, Nhà nước ta cũng đang đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng vừa củng cố, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vừa hoàn thiện các yếu tố cấu thành của nền kinh tế thị trường, giải quyết hài hòa trực quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội để kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện và phát huy hiệu quả.

Tóm lại, nhận thức về công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay cần có quan điểm khách quan, có cái nhìn lịch sử, cụ thể trong đánh giá, không mắc vào cái nhìn phiến diện, méo mó, lệch lạc, các mưu đồ chính trị của các nhà “dân chủ”, “nhân quyền”, những người “mượn” đấu tranh cho công

bằng, tiến bộ xã hội để trục lợi và thể hiện sự bất mãn, chống phá. Chỉ có trên quan điểm như vậy mới có thể so sánh, đánh giá thành tựu, khẳng định tính ưu việt trong phát triển, tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội ở nước ta hiện nay.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 19, tr. 366; tr. 367; tr. 27; tr. 29; tr. 281; t. 25, tr. 670; t. 25, tr. 672 - 673.

8. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương: *Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch*, Nxb CTQG - ST, H, 2005, tr. 57.

9. Nguyễn Ngọc Long: *Chủ nghĩa Mác - Lênin với vận mệnh và tương lai của chủ nghĩa xã hội hiện thực*, Nxb CTQG, H, 2010, tr. 391.

10, 11, 12, 16. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 21, 27, 26, 21.

13, 15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2021, t. 1, tr. 148, 108.

14. Nguyễn Hồng Điệp: *Báo công an nhân dân điện tử*, 2020, <https://cand.com.vn/Su-kien-Binh-luan-thoi-su/Viet-Nam-va-nhom-cac-nuoc-co-Chi-so-phat-trien-cong-ngoai-o-muc-cao-i591507/>, trích đọc ngày 10-5-2023.

GIÁ TRỊ KHOA HỌC ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM...

giúp cộng đồng người Việt Nam ở trong và ngoài nước, bạn bè quốc tế có nhận thức đúng đắn về đường lối đổi mới, hội nhập; thấy được tiềm năng hợp tác của ta với quốc tế; hiểu rõ lịch sử, văn hóa con người Việt Nam, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tạo môi trường, cơ chế, chính sách để các văn nghệ sĩ sáng tác được nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật để giáo dục, cổ vũ các tầng lớp nhân dân; mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa giáo dục gắn liền với việc nâng cao ý thức cảnh giác, đôi phò kịp thời với âm mưu, thủ đoạn lợi dụng sự hợp tác để thâm nhập, chuyên hóa chế độ ta. Nhanh chóng khắc phục tư tưởng chỉ coi trọng lợi ích kinh tế mà coi nhẹ vấn đề an ninh tư tưởng, văn hóa trong việc nhận viện trợ, hợp tác, liên doanh với nước ngoài. Gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong các giải pháp đấu tranh,

Tiếp theo trang 25

tạo ra sức tự đề kháng trước những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch; bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên nền tảng *Đề cương văn hóa* của Đảng. Đó là vấn đề cốt lõi, là “gốc rễ” bảo đảm sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Tóm lại, bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* dù ngắn gọn với 1.500 từ nhưng vô cùng súc tích, có ý nghĩa và vai trò đặc biệt quan trọng, là “kim chỉ nam” trong chiến lược xây dựng, phát triển nền văn hóa của đất nước. Trên cơ sở đó Đảng, Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam với những đặc trưng đầy đủ phản ánh đúng cốt cách, bản sắc và truyền thống văn hóa của một dân tộc có lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời nhưng cũng mang hơi thở của cuộc sống hiện đại ngày nay.